

NHỮNG ĐIỂM KHÁC BIỆT GIỮA THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

TS. BÙI THỊ HUYỀN *

Hiện nay, trong hệ thống pháp luật của nhiều nước trên thế giới, bên cạnh thủ tục tố tụng dân sự thông thường còn có thủ tục rút gọn.⁽¹⁾ Riêng trong BLTTDS Liên bang Nga năm 2003 lại có quy định cả về thủ tục tố tụng rút gọn và thủ tục tố tụng đặc biệt (tương tự như thủ tục giải quyết việc dân sự ở Việt Nam hiện nay). Ở Việt Nam, trong quá trình xây dựng BLTTDS đã có ý kiến cho rằng cần thiết phải xây dựng thủ tục tố tụng rút gọn để áp dụng cho việc giải quyết những tranh chấp có giá ngạch thấp, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ hoặc những việc xác định một sự kiện pháp lí... Tuy vậy, BLTTDS không quy định về thủ tục rút gọn nhưng lại có quy định thủ tục giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự được quy định để giải quyết các tranh chấp dân sự tại các điều 25, 27, 29 và 31 BLTTDS. Thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định để giải quyết các yêu cầu dân sự tại các điều 26, 28, 30 và 32 BLTTDS.

BLTTDS bao gồm 418 điều và được cơ cấu thành 9 phần, trong đó bao gồm cả những quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự và thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Phần thứ nhất của BLTTDS (từ Điều 1 đến Điều 160) bao gồm những quy định về nguyên tắc, thẩm quyền của toà án nhân dân, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng và người tham gia tố tụng, chứng minh và chứng cứ, biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu, án phí, lệ phí toà án. Các quy định trong phần này được áp dụng cho cả việc giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự. Những quy định về thủ tục giải quyết vụ án dân sự được quy định từ Điều 161 đến Điều 310 BLTTDS. Những quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định từ Điều 311 đến Điều 374 BLTTDS. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự có những điểm khác nhau cơ bản như sau:

1. Nguyên tắc giải quyết việc dân sự

Về cơ bản những nguyên tắc của tố tụng dân sự được áp dụng cho cả thủ tục giải quyết việc dân sự. Tuy nhiên, do đặc thù của việc dân sự là trường hợp đương sự chỉ yêu cầu toà án xác định một sự kiện pháp lí hoặc công nhận quyền dân sự nên một số nguyên tắc của tố tụng dân sự không áp dụng đối với việc giải quyết việc dân sự như nguyên tắc hội thẩm nhân dân tham gia xét xử, nguyên tắc xét xử tập thể. Theo quy định của BLTTDS việc giải quyết việc dân sự thông thường chỉ do một thẩm phán giải quyết nên không có hội thẩm nhân dân tham gia vào

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

thành phần giải quyết việc dân sự. Vì vậy, nguyên tắc hội thẩm nhân dân tham gia xét xử và nguyên tắc tòa án xét xử tập thể không áp dụng đối với việc giải quyết việc dân sự.

2. Về thành phần tiến hành tố tụng

Do có sự phân biệt giữa vụ án dân sự và việc dân sự cho nên theo quy định của BLTTDS, bên cạnh khái niệm phiên tòa sơ thẩm dân sự còn có khái niệm phiên họp. Khái niệm phiên họp dùng để chỉ phiên giải quyết các việc dân sự lần đầu của tòa án, còn khái niệm phiên tòa sơ thẩm dân sự dùng để chỉ phiên giải quyết lần đầu vụ án dân sự của tòa án. Giữa phiên tòa sơ thẩm dân sự và phiên họp giải quyết việc dân sự có sự khác nhau về thành phần tiến hành tố tụng và thủ tục tố tụng.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm của phiên tòa sơ thẩm dân sự có hội thẩm nhân dân tham gia nhưng đối với phiên họp giải quyết việc dân sự không có hội thẩm nhân dân tham gia mà chỉ có thẩm phán. Sở dĩ có sự khác nhau này bởi mặc dù BLTTDS nước ta không quy định thủ tục rút gọn như nhiều nước trên thế giới nhưng thủ tục giải quyết việc dân sự được xây dựng dựa trên một số yếu tố của mô hình thủ tục rút gọn. Vì thế, thủ tục giải quyết việc dân sự được rút gọn hơn so với thủ tục giải quyết vụ án dân sự về thành phần tiến hành tố tụng, thủ tục và thời hạn giải quyết. Mục đích của thủ tục này nhằm bảo đảm cho việc giải quyết việc dân sự được nhanh chóng, giảm bớt chi phí tố tụng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước đồng thời tạo điều kiện cho thẩm phán có thể chủ động trong công việc của mình, nâng cao trách nhiệm cá nhân của thẩm phán, thực hiện những bước đi cơ bản của công cuộc cải cách

tư pháp. Riêng việc giải quyết yêu cầu hủy quyết định của trọng tài thương mại, theo quy định của Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 do một tập thể gồm ba thẩm phán giải quyết. Bởi khác với các loại việc dân sự khác, tính chất của loại việc này phức tạp hơn, tòa án không phải giải quyết về mặt nội dung các yêu cầu dân sự mà là xem xét tính pháp lý để công nhận hay hủy quyết định của cơ quan tài phán khác về việc giải quyết tranh chấp thương mại. Hơn nữa, việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng con đường trọng tài trước đó có thể do một trọng tài viên hoặc hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên. Do đó, loại việc này đòi hỏi phải được xem xét bằng một hội đồng gồm ba thẩm phán.

3. Về sự tham gia tố tụng của viện kiểm sát nhân dân

Ở nước ta, phạm vi và mức độ tham gia tố tụng của viện kiểm sát trong tố tụng dân sự nói chung và phiên tòa sơ thẩm nói riêng có xu hướng ngày càng giảm dần. Theo khoản 3 Điều 21 Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2002 quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm tham gia tất cả các phiên tòa xét xử vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động, ở tất cả các giai đoạn tố tụng*”. Như vậy, viện kiểm sát phải tham gia 100% các phiên tòa sơ thẩm dân sự. Điều này nhằm mục đích tăng cường hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của viện kiểm sát đối với hoạt động của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Quy định này được xây dựng trên cơ sở đề cao vai trò chủ động của tòa án trong việc điều tra, lập hồ sơ vụ án dân sự. Khi BLTTDS được ban hành,

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng dân sự được xác định thuộc về các đương sự, vai trò của toà án trong hoạt động thu thập chứng cứ đã có sự thay đổi, vì vậy trò của viện kiểm sát trong tố tụng dân sự cũng có sự thay đổi. Viện kiểm sát nhân dân chỉ tham gia phiên toà sơ thẩm dân sự đối với những vụ án do toà án thu thập chứng cứ mà đương sự có khiếu nại. Mục đích hoạt động tố tụng của viện kiểm sát trong trường hợp này nhằm bảo đảm việc thực hiện chức năng xét xử của toà án. Song đối với các việc dân sự, do thành phần giải quyết việc dân sự chỉ có một thẩm phán, cho nên để tránh khả năng lạm quyền của thẩm phán đòi hỏi phải có sự kiểm sát chặt chẽ của viện kiểm sát. Vì vậy, BLTTDS quy định đại diện viện kiểm sát phải tham gia 100% các phiên họp giải quyết việc dân sự.

4. Những người tham gia tố tụng trong việc dân sự

- Đương sự trong việc dân sự

Đương sự trong vụ việc dân sự là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thông thường đương sự chính là chủ thể của quan hệ pháp luật nội dung tranh chấp hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự. Tuy nhiên, mục 1 Chương VI của BLTTDS chỉ quy định về đương sự trong vụ án dân sự mà không quy định về đương sự trong việc dân sự nhưng tại các Điều 312 và 313 BLTTDS lại có các quy định về sự tham gia của người yêu cầu và người có liên quan. Chính quy định không nhất quán này của BLTTDS đã dẫn đến các quan điểm khác nhau về đương sự trong việc

dân sự. Theo chúng tôi, việc giải quyết việc dân sự liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đưa ra yêu cầu và những người liên quan. Vì vậy, cần phải coi họ là đương sự. Tuy nhiên, đương sự trong vụ việc dân sự bao gồm những chủ thể nào lại là vấn đề có những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng,⁽²⁾ đương sự trong việc dân sự bao gồm: Người yêu cầu, người bị yêu cầu và người có liên quan. Người yêu cầu trong việc dân sự là người đưa ra yêu cầu tòa án công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lí làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ của họ hoặc công nhận quyền, nghĩa vụ của họ. Vì thế, người yêu cầu tham gia tố tụng để bảo vệ lợi ích của chính mình. Việc tham gia tố tụng của họ chủ động như nguyên đơn nên họ cũng có quyền và nghĩa vụ như nguyên đơn. Người bị yêu cầu trong việc dân sự là người tham gia tố tụng để trả lời về các yêu cầu của việc dân sự. Việc tham gia tố tụng của họ cũng mang tính chất bắt buộc như bị đơn trong vụ án dân sự. Hoạt động tố tụng của họ có tính chất độc lập và có thể làm thay đổi quá trình giải quyết việc dân sự. Thông thường trong các việc dân sự đều có người bị yêu cầu nhưng trong một số trường hợp cá biệt thì chỉ có người yêu cầu mà không có người bị yêu cầu như việc yêu cầu thuận tình li hôn, yêu cầu công nhận thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con...⁽³⁾

Người có liên quan trong việc dân sự là người tham gia tố tụng vào việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc trả lời về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Việc tham gia tố

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tụng của người có liên quan trong việc dân sự cũng như việc tham gia tố tụng của người có liên quan trong vụ án dân sự có thể do họ chủ động hoặc theo yêu cầu của đương sự khác hoặc theo yêu cầu của tòa án.

Quan điểm thứ hai cho rằng⁽⁴⁾ đương sự trong việc dân sự bao gồm: Người yêu cầu và người có liên quan.

Theo chúng tôi, quan điểm thứ hai có nhiều điểm hợp lý hơn. Về cơ sở pháp lý, tại các Điều 312 và 313 BLTTDS chỉ có các quy định về sự tham gia của người yêu cầu và người có liên quan mà không đề cập người bị yêu cầu. Hơn nữa, bản chất của việc giải quyết việc dân sự là việc tòa án xác định một sự kiện pháp lý hoặc công nhận hoặc không công nhận quyền và nghĩa vụ dân sự. Từ đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các đương sự. Do đó, trong việc dân sự, tòa án không trực tiếp giải quyết mối quan hệ giữa các đương sự.

Chẳng hạn: Trong việc giải quyết yêu cầu huỷ việc kết hôn của chị B đối với quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị C, tòa án không trực tiếp giải quyết quan hệ pháp lý giữa A, B và C. Trong trường hợp này tòa án chỉ xác định sự kiện kết hôn giữa A và C là trái pháp luật hay không. Nếu trái pháp luật thì tòa án sẽ ra phán quyết để huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Điều đó sẽ làm chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa A và C. Như vậy, trong trường hợp này, B là người yêu cầu, A và C là người có liên quan chứ không phải là người bị yêu cầu.

- Về việc tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Sự tham gia tố tụng của người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhằm giúp đỡ đương sự về mặt pháp lý, để đương sự bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong vụ án dân sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có thể tham gia tố tụng từ giai đoạn khởi kiện, cung cấp, xác minh, thu thập chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ, hòa giải, trình bày yêu cầu và quan điểm của đương sự tại phiên tòa...⁽⁵⁾ nhằm giúp đương sự đưa ra chứng cứ, lập luận, căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu của đương sự là có căn cứ và hợp pháp đồng thời bác bỏ yêu cầu của đương sự đối lập. Như vậy, hoạt động tố tụng của người bảo vệ thật sự có ý nghĩa khi các bên đương sự có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ tức là vụ việc có yếu tố tranh tụng.

Đối với việc dân sự, BLTTDS không quy định cụ thể về sự tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Song, Điều 22 luật sư năm 2006 về phạm vi hành nghề luật sư quy định: “*luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật*”. Đối với việc giải quyết các việc liên quan đến hoạt động của trọng tài thương mại Việt nam như: Chỉ định, thay đổi trọng tài viên; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; xem xét lại thỏa thuận trọng tài; hủy quyết định của trọng tài. Điều 39 Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 cũng quy định: “*Các bên có quyền mời nhân chứng, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích*

hợp pháp của mình”. Chúng tôi cho rằng quy định của Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 và Luật luật sư năm 2006 là hợp lí, bởi đó là quyền được bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi họ không có khả năng tự bảo vệ mình. Hơn nữa, sự tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự không chỉ nhằm mục đích giúp đỡ đương sự tranh tụng với đương sự đối lập mà còn giúp đương sự chứng minh trước tòa án yêu cầu mà đương sự đưa ra là có căn cứ và đúng đắn. Do đó, theo chúng tôi BLTTDS cần quy định cụ thể về sự tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đối với việc dân sự.

5. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Theo quy định của BLTTDS, biện pháp khẩn cấp tạm thời là biện pháp tòa án quyết định áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ bằng chứng hoặc bảo đảm việc thi hành án. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Điều 102 BLTTDS. Tuy nhiên, BLTTDS và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 cũng không quy định về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với việc giải quyết việc dân sự. Điều này có thể lí giải bởi thông thường các việc dân sự là việc xác định các sự kiện pháp lí hoặc các bên đương sự không có tranh chấp với nhau nên không cần thiết phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Song, chúng tôi cho rằng trong một số

trường hợp đặc biệt, việc áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với việc giải quyết việc dân sự là cần thiết như biện pháp giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi giải quyết yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, biện pháp cấm chuyển dịch quyền về tài sản hoặc cấm thay đổi hiện trạng tài sản khi giải quyết các yêu cầu về thông báo tìm kiếm người vắng mặt hoặc tuyên bố một người là mất tích hoặc đã chết...

6. Về thủ tục và thời hạn giải quyết việc dân sự

Việc dân sự là trường hợp các bên không có tranh chấp hoặc các tình tiết, sự kiện của sự việc đã được xác định thông qua lời thừa nhận, thống nhất của các đương sự hoặc các bên không phản đối chứng cứ, yêu cầu đương sự khác đưa ra. Thực chất trong những trường hợp này vụ việc không có tranh tụng về các chứng cứ hoặc sự kiện. Vấn đề chỉ còn ở chỗ áp dụng pháp luật để công nhận hay không công nhận các yêu cầu mà các bên đưa ra. Do đó, thủ tục phiên họp giải quyết việc dân sự không có thủ tục tranh luận. Bên cạnh đó, thành phần phiên họp giải quyết việc dân sự thường chỉ có một thẩm phán giải quyết nên không có thủ tục nghị án. Vì thế, thủ tục phiên họp giải quyết việc dân sự thường đơn giản hơn so với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Song trong từng trường hợp cụ thể thủ tục chuẩn bị giải quyết việc dân sự lại có những đặc thù riêng như thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt trên các phương tiện thông tin đại chúng, thủ tục giám định của cơ quan y tế về khả năng nhận thức của người bị yêu cầu tuyên bố là mất

hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự...

Theo quy định của BLTTDS Việt Nam, bản án, quyết định của toà án về vụ án dân sự có thể được xem xét theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm. Quyết định của toà án về việc dân sự có thể được xem xét theo thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm còn BLTTDS không quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các quyết định giải quyết việc dân sự. Tuy nhiên, theo nguyên tắc áp dụng pháp luật tại Điều 311 BLTTDS thì có ý kiến cho rằng quyết định giải quyết việc dân sự vẫn có thể bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.⁽⁶⁾

Xem xét vấn đề này trong pháp luật tố tụng dân sự của một số nước có quy định về thủ tục tố tụng đặc biệt (thủ tục giải quyết việc dân sự) có thể thấy như sau: Điều 161 BLTTDS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định những vụ án được xét xử theo quy định về trình tự đặc biệt thực hiện sơ thẩm đồng thời là chung thẩm. Phần thứ IV của BLTTDS Liên bang Nga về thủ tục đặc biệt lại quy định khác nhau đối với từng loại việc cụ thể về thủ tục huỷ quyết định giải quyết việc dân sự. Điều 275 BLTTDS Liên bang Nga quy định: *“Việc xem xét và giải quyết vấn đề huỷ bỏ việc nhận nuôi con nuôi được tiến hành theo quy định của thủ tục giải quyết vụ án”*. Do đó, quyết định việc huỷ việc nuôi con nuôi có thể bị xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm dân sự hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự. Điều 280, 286 BLTTDS Liên bang Nga quy định việc huỷ bỏ quyết định tuyên bố một người là mất tích hoặc đã chết khi họ trở về hoặc quyết định tuyên bố một người là hạn chế năng lực hành vi dân sự sẽ

do chính toà án đã ra quyết định thực hiện theo thủ tục sơ thẩm dân sự... Như vậy, có thể thấy pháp luật tố tụng dân sự của các nước có quy định khác nhau về thủ tục này.

Ở Việt Nam, theo quy định của PLTTGQCVADS, khi một người bị tuyên bố là mất tích hoặc đã chết trở về sẽ được coi là tình tiết mới để xem xét lại quyết định tuyên bố là mất tích hoặc đã chết theo thủ tục tái thẩm dân sự. Tuy nhiên, theo BLTTDS trong những trường hợp này hoặc trường hợp người bị tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự trở lại trạng thái nhận thức bình thường thì chính toà án đã ra quyết định có quyền huỷ quyết định của mình theo thủ tục sơ thẩm thông thường. Chúng tôi cho rằng quy định của BLTTDS là hợp lí, bởi chính toà án đã ra quyết định là toà án có điều kiện tốt nhất để xem xét việc huỷ quyết định giải quyết việc dân sự. Với cách quy định này có thể hiểu quyết định giải quyết việc dân sự trong những trường hợp này không bị xem xét lại theo thủ tục tái thẩm dân sự.

Đối với việc giải quyết yêu cầu huỷ quyết định trọng tài, các điều từ Điều 50 đến 56 Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 cũng quy định quyết định của toà án về việc xem xét huỷ quyết định trọng tài chỉ bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Đối với việc giải quyết yêu cầu công nhận hoặc không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài có đặc trưng cơ bản là toà án

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Việt Nam không xem xét lại nội dung của vụ việc mà chỉ kiểm tra, đối chiếu bản án, quyết định dân sự của toà án, trọng tài nước ngoài, các giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn yêu cầu với các quy định của BLTTDS, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập có liên quan để quyết định có công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án, trọng tài nước ngoài hay không. Cho nên, các quyết định của toà án Việt Nam về việc công nhận hoặc không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài chỉ có thể bị xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành (Điều 359 và 373 BLTTDS).

Đối với những việc dân sự khác như huỷ việc kết hôn trái pháp luật, công nhận thuận tình li hôn, công nhận sự thoả thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi li hôn, chấm dứt việc nuôi con nuôi... là những trường hợp các bên không tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, tính chất vụ việc đơn giản, chứng cứ rõ ràng nên thủ tục giải quyết cần đơn giản hơn, vụ việc cần được giải quyết nhanh chóng đồng thời buộc thẩm phán phải thận trọng khi giải quyết việc dân sự. Do đó, theo chúng tôi không cần thiết phải quy định thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ việc này cũng như đối với các việc dân sự khác nói chung.

Như đã lập luận ở trên, do tính chất của việc dân sự thường đơn giản hơn so với vụ án dân sự nên thời hạn giải quyết việc dân sự

phải ngắn hơn thời hạn thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Theo Điều 179 BLTTDS thì thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với các vụ án dân sự là 4 tháng hoặc 6 tháng đối với các vụ án phức tạp nhưng các điều 325, 331 và 336 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người là mất tích hoặc đã chết, tuyên bố một người là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự của cá nhân là 20 ngày hoặc 30 ngày, kể từ ngày thụ lí đơn yêu cầu. Như vậy, quy định của BLTTDS về thời hạn giải quyết các loại việc dân sự trên đều ngắn hơn thời hạn giải quyết các vụ án dân sự. Tuy nhiên, BLTTDS lại không quy định về thời hạn giải quyết đối với các loại việc về hôn nhân và gia đình - những việc dân sự chiếm phần lớn các việc về dân sự trong thực tế giải quyết việc dân sự hiện nay tại toà án dẫn đến việc áp dụng không thống nhất giữa các toà án. Điều này trái với mục đích của thủ tục giải quyết việc dân sự là đơn giản, nhanh chóng hơn so với thủ tục tố tụng thông thường. Vì vậy, BLTTDS cần có những quy định cụ thể về thời hạn và thủ tục giải quyết đối với các loại việc về hôn nhân và gia đình./.

(1).Xem: Trần Anh Tuấn, “Về việc xác định phạm vi những vụ kiện được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự rút gọn”, Tạp chí luật học số 2/2002.

(2), (3).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật tố tụng dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008, tr.109.

(4), (5).Xem: Học viện tư pháp, *Giáo trình luật tố tụng dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 442.

(6).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Kết quả khảo sát thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “Việc dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự”, Hà Nội, 2008, tr.197 - 198.